

I. NỘI DUNG LÝ THUYẾT CẦN ÔN TẬP

CHƯƠNG 5,6,7,8,9 -SGK/12CB

- Đại cương về kim loại.
- Kim loại kiềm, kiềm thổ và nhôm
- Sắt và một số kim loại quan trọng
- Phân biệt một số chất vô cơ
- Hóa học và vấn đề phát triển kinh tế, xã hội, môi trường.

II. MỘT SỐ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Phương pháp nhiệt luyện thường dùng để điều chế

- A. Các kim loại hoạt động mạnh như Ca, Na, Al
- B. Các kim loại hoạt động yếu
- C. Các kim loại hoạt động trung bình
- D. Các kim loại hoạt động trung bình và yếu

Câu 2: Tính chất hóa học đặc trưng của kim loại là

- A. Tính bazơ. B. Tính oxi hóa. C. Tính axit. D. Tính khử.

Câu 3: Liên kết kim loại là liên kết được hình thành do:

- A. Sự góp chung electron của các nguyên tử
- B. Các electron tự do trong kim loại phản xạ tốt những tia sáng tới
- C. Đa số kim loại đều giữ tia sáng tới trên bề mặt kim loại
- D. Tất cả các kim loại đều có cấu tạo tinh thể

Câu 4: Kim loại có tính chất vật lí chung là dẫn điện, dẫn nhiệt, dẻo và có ánh kim. Nguyên nhân của những tính chất vật lí chung của kim loại là do:

- A. Trong tinh thể kim loại có nhiều electron độc thân.
- B. Trong tinh thể kim loại có các ion dương chuyển động tự do.
- C. Trong tinh thể kim loại có các electron chuyển động tự do.
- D. Trong tinh thể có nhiều ion dương kim loại

Câu 5: Khi cho dòng điện một chiều $I=2A$ qua dung dịch $CuCl_2$ trong 10 phút. Khối lượng đồng thoát ra ở catot là

- A. 40 gam. B. 0,4 gam. C. 0,2 gam. D. 4 gam.

Câu 6: Khi cho dòng điện một chiều $I=1A$ qua dung dịch $CuCl_2$ trong 10 phút. Khối lượng đồng thoát ra ở catot là

- A. 40 gam. B. 0,4 gam. C. 0,2 gam. D. 4 gam.

Câu 7: Khi cho dòng điện một chiều $I=3A$ qua dung dịch $CuCl_2$ trong 5 phút. Khối lượng đồng thoát ra ở catot là

- A. 40 gam. B. 0,3 gam. C. 0,2 gam. D. 0,4 gam.

Câu 8: Khi cho dòng điện một chiều $I=1,5A$ qua dung dịch $CuCl_2$ trong 7 phút. Khối lượng đồng thoát ra ở catot là

- A. 40 gam. B. 0,4 gam. C. 0,2 gam. D. 4 gam.

Câu 9: Phát biểu nào sau đây là đúng:

- A. Kim loại kiềm khác nhau có kiểu mạng tinh thể khác nhau.
B. Xesi được dùng làm tế bào quang điện.
C. Kim loại kiềm tác dụng với oxi chỉ tạo ra peoxit.
D. Để bảo quản kim loại kiềm ngâm chúng trong nước.

Câu 10: Nguyên tử của nguyên tố có cấu hình electron $1s^2 2s^2 2p^6 3s^1$ là:

- A. Ca B. Ba C. K D. Na

Câu 11: Nếu M là nguyên tố nhóm IA thì oxit của nó có công thức là:

- A. M_2O_3 . B. M_2O . C. MO . D. MO_2 .

Câu 12: Kim loại kiềm được sản xuất trong công nghiệp bằng cách:

- A. Phương pháp hòa luyện. C. Phương pháp nhiệt kim loại.
B. Phương pháp thủy luyện. D. Điện phân hợp chất nóng chảy.

Câu 13: Trong bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học, kim loại kiềm thuộc nhóm

- A. IA. B. IIIA. C. IVA. D. IIA.

Câu 14: Cấu hình electron lớp ngoài cùng của nguyên tử kim loại kiềm là

- A. ns^1 B. ns^2 C. ns^2np^1 D. $(n-1)d^xns^y$

Câu 15: Dụng cụ bằng chất nào sau đây không nên dùng để chứa dung dịch kiềm?

- A. Cu B. Fe C. Ag D. Al

Câu 16: Các kim loại kiềm có cấu tạo mạng tinh thể kiểu nào trong các kiểu mạng sau

- A. Lập phương tâm khối C. Lục phương
B. Lập phương tâm diện D. Tứ diện

Câu 17: Phát biểu nào sau đây không đúng về kim loại kiềm:

- A. Nhiệt độ nóng chảy và nhiệt độ sôi thấp C. Độ cứng thấp
D. Độ dẫn điện cao

B. Khối lượng riêng nhỏ

Câu 18 : Kim loại kiềm có tính khử mạnh vì

- A. Có 1 e ở lớp ngoài cùng
B. Có bán kính lớn hơn so với nguyên tố cùng chu kỳ
C. Có điện tích hạt nhân bé so với nguyên tố cùng chu kỳ
D. Tất cả yếu tố trên

Câu 19 : Tính chất hóa học cơ bản của kim loại kiềm là :

- A. Tính khử B. Tính oxi hóa C. Tính axit D. Tính bazơ

Câu 20 : Muốn bảo quản kim loại kiềm người ta ngâm kim loại kiềm trong chất lỏng nào cho dưới đây ?

- A. Ancol etylic B. Dầu hoả C. Glixerol D. Axit axetic

Câu 21: Trong quá trình điện phân dung dịch NaCl, ở cực âm xảy ra

- A. sự khử ion Na^+ C. sự khử phân tử H_2O
B. sự oxi hoá ion Na^+ D. sự oxi hoá phân tử H_2O

Câu 22: Trong các muối sau, muối nào dễ bị nhiệt phân ?

- A. LiCl B. NaNO_3 C. KHCO_3 D. KBr

Câu 23: Dung dịch có pH > 7 là

- A. FeCl_3 . B. K_2SO_4 . C. Na_2CO_3 . D. $\text{Al}_2(\text{SO}_4)_3$.

Câu 24: Cation M^+ có cấu hình electron ở lớp ngoài cùng là $2s^2 2p^6$. M^+ là cation nào sau đây ?

- A. Ag^+ B. Cu^+ C. Na^+ D. K^+

Câu 25: Nồng độ phần trăm của dung dịch tạo thành khi hoà tan 39g kali kim loại vào 362g nước là kết quả nào sau đây ?

- A. 15,47% B. 13,97% C. 14% D. 14,04%

Câu 26 : Hoà tan hoàn toàn 6,2g hai kim loại kiềm ở 2 chu kì liên tiếp vào nước thu được 2,24 lít H_2 (đktc). Hai kim loại đó là

- A. Li và Na B. Na và K C. K và Rb D. Rb và Cs

Câu 27: Trong 1 lít dung dịch Na_2SO_4 0,2M có tổng số mol các ion do muối phân li ra là

- A. 0,2 mol B. 0,4 mol C. 0,6 mol D. 0,8 mol

Câu 28: Cho 0,1 mol hỗn hợp Na_2CO_3 và KHCO_3 tác dụng hết với dung dịch HCl. Dẫn khí thoát ra vào dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$ dư thì khối lượng kết tủa thu được là

- A. 8g B. 9g C. 10g D. 11g

Câu 29: Kim loại nào sau đây không thuộc loại kim loại kiềm thổ

- A. Be. B. Mg. C. Ca. D. K.

Câu 30: Phương pháp chủ yếu điều chế kim loại nhóm IIA là

- A. Phương pháp thuỷ luyện. C. Phương pháp điện phân nóng chảy.
B. Phương pháp nhiệt luyện. D. Phương pháp điện phân dung dịch.

Câu 31: Dung dịch có pH > 7 là:

- A. NaCl B. $\text{Ca}(\text{OH})_2$ C. CaCl_2 D. AlCl_3

Câu 32: Phản ứng nào sau đây giải thích sự tạo thành thạch nhũ trong hang động

- A. $\text{CaCO}_3 \longrightarrow \text{CaO} + \text{CO}_2$.
B. $\text{Ca}(\text{OH})_2 + 2\text{CO}_2 \longrightarrow \text{Ca}(\text{HCO}_3)_2$.
C. $\text{Ca}(\text{HCO}_3)_2 \longrightarrow \text{CaCO}_3 + \text{CO}_2 + \text{H}_2\text{O}$.
D. $\text{CaCO}_3 + \text{CO}_2 + \text{H}_2\text{O} \longrightarrow \text{Ca}(\text{HCO}_3)_2$.

Câu 33: Loại thạch cao nào dùng để đúc tượng?

- A. Thạch cao sống $\text{CaSO}_4 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$ B. Thạch cao khan CaSO_4

Câu 46: Cho 2 gam một kim loại thuộc nhóm IIA tác dụng hết với dung dịch HCl tạo ra 5,55g muối clorua . Kim loại đó là kim loại nào sau đây ?

- A. Be B. Mg C. Ca D. Ba

Câu 47 :Trong một cốc nước có chứa 0,01 mol Na^+ ; 0,02 mol Ca^{2+} ; 0,01 mol Mg^{2+} ; 0,05 mol HCO_3^- ; 0,02 mol Cl^- . Nước trong cốc thuộc loại nào ?

- A. Nước cứng có tính cứng tạm thời C. Nước cứng có tính cứng toàn phần
B. Nước cứng có tính cứng vĩnh cửu D. Nước mềm

Câu 48: Sục 6,72 lít CO_2 (đktc) vào dung dịch chứa 0,25 mol $\text{Ca}(\text{OH})_2$. Khối lượng kết tủa thu được là

- A. 10gam B. 15 gam C. 20 gam D. 25 gam

Câu 49:Cho nhôm vào dd NaOH dư sẽ xảy ra hiện tượng:

- A. Nhôm tan, có khí thoát ra, xuất hiện kết tủa và kết tủa tan C. Nhôm tan, có khí thoát ra, xuất hiện kết tủa
B. Nhôm không tan D. có khí thoát ra

Câu 50: Al_2O_3 phản ứng được với cả hai dung dịch

- A. NaOH và HCl. C. NaCl và H_2SO_4 .
B. KCl và NaNO_3 . D. Na_2SO_4 và KOH.

Câu 51: Cho biết số thứ tự của Al trong bảng tuần hoàn là 13. Phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Al thuộc chu kỳ 3, phân nhóm chính nhóm III
B. Al thuộc chu kỳ 3, phân nhóm phụ nhóm III
C. Ion nhôm có cấu hình electron lớp ngoài cùng là $2s^2$
D. Ion nhôm có cấu hình electron lớp ngoài cùng là $3s^2$

Câu 52: Mô tả nào dưới đây về tính chất vật lý của nhôm là chưa chính xác?

- A. Màu trắng bạc
B. Là kim loại nhẹ
C. Mềm, dễ kéo sợi và dát mỏng
D. Dẫn nhiệt và dẫn điện tốt, tốt hơn các kim loại Ag và Cu

Câu 53:Trong công nghiệp Al được sản xuất.

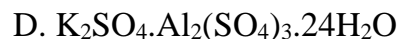
- A. Bằng phương pháp hóa luyện C. Bằng phương pháp thủy luyện
B. Bằng phương pháp điện phân boxit nóng chảy D. Trong lò cao

Câu54:Nhôm oxit là hợp chất :

- A.Vừa thể hiện tính axit, vừa thể hiện tính bazơ. C.Vừa thể hiện tính oxi hóa, vừa thể hiện tính khử.
B.Chỉ có tính axit D.Chỉ có tính bazơ

Câu 55: Phèn chua có công thức nào?

- A. $(\text{NH}_4)_2\text{SO}_4.\text{Al}_2(\text{SO}_4)_3.24\text{H}_2\text{O}$ B. $(\text{NH}_4)_2\text{SO}_4.\text{Fe}_2(\text{SO}_4)_3.24\text{H}_2\text{O}$



Câu 56: Phát biểu nào dưới đây là đúng ?

A. Nhôm là kim loại lưỡng tính

B. $\text{Al}(\text{OH})_3$ là bazơ lưỡng tính

C. Al_2O_3 là oxit trung tính

D. $\text{Al}(\text{OH})_3$ là một hiđroxit lưỡng tính

Câu 57: Nhôm bền trong môi trường không khí và nước là do

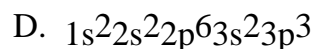
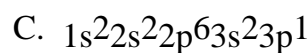
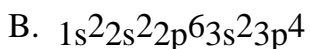
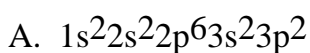
A. Nhôm là kim loại kém hoạt động

B. Có màng oxit Al_2O_3 bền vững bảo vệ

C. Có màng hiđroxit $\text{Al}(\text{OH})_3$ bền vững bảo vệ

D. Nhôm có tính thụ động với không khí và nước

Câu 58: Cấu hình electron của nguyên tử Al là:



Câu 59: Cấu hình electron của Al^{3+} giống với cấu hình electron:

A. Ne

B. Mg^{2+}

C. Na^+

D. Tất cả đều đúng

Câu 60: Có ba chất Mg, Al, Al_2O_3 . Có thể phân biệt ba chất chỉ bằng một thuốc thử là chất nào sau đây?

A. Dung dịch HCl

B. Dung dịch HNO_3

C. Dung dịch NaOH

D. Dung dịch CuSO_4

Câu 61: Bình làm bằng nhôm có thể đựng được dd axit nào sau đây?

A. HNO_3 (đặc nóng) B. HNO_3 (đặc nguội)

C. H_2SO_4 (đặc nóng) D. HCl

Câu 62: Cho từ từ lượng nhỏ Na kim loại vào dung dịch $\text{Al}_2(\text{SO}_4)_3$ cho đến dư, hiện tượng xảy ra như thế nào?

A. Na tan, có bọt khí xuất hiện trong dung dịch.

B. Na tan, có kim loại Al bám vào bề mặt Na kim loại.

C. Na tan, có bọt khí thoát ra & có kết tủa dạng keo màu trắng, sau đó kết tủa vẫn không tan.

D. Na tan, có bọt khí thoát ra & có kết tủa dạng keo màu trắng, sau đó kết tủa tan dần.

Câu 63: Cho 3,9 g hỗn hợp hai kim loại Al và Mg tác dụng với dung dịch H_2SO_4 loãng, dư thu được 4,48 lít khí (đktc). Thành phần % về khối lượng của Al và Mg trong hỗn hợp lần lượt là

A. 69,23% và 30,77%.

B. 55,45% và 44,55%.

C. 47,12% và 52,88%.

D. 50% và 50%.

Câu 64: Cho 200 ml dung dịch AlCl_3 1,5M tác dụng với V lít dung dịch $\text{Ba}(\text{OH})_2$ 0,25M, lượng kết tủa thu được là 15,6 gam. Giá trị lớn nhất của V là?

A. 2,4 lít

B. 1,2 lít

C. 2 lít

D. 1,8 lít

Câu 65: Điện phân Al_2O_3 nóng chảy với dòng điện cường độ 9,65A trong thời gian 3000 giây, thu được 2,16g Al. Hiệu suất của quá trình điện phân là

- A. 60% B. 70% C. 80% D. 90%

Câu 66: Cho 31,2g hỗn hợp bột Al và Al_2O_3 tác dụng với dung dịch NaOH dư thu được 13,44 lít H_2 (đktc). Khối lượng từng chất trong hỗn hợp ban đầu lần lượt là

- A. 16,2g và 15g C. 6,4g và 24,8g
B. 10,8g và 20,4g D. 11,2g và 20g

Câu 67: Trong các tính chất lý học của sắt thì tính chất nào là đặc biệt?

- A. Có nhiệt độ nóng chảy và nhiệt độ sôi cao. C. Khối lượng riêng rất lớn.
B. Dẫn điện và dẫn nhiệt tốt. D. Có khả năng nhiễm từ.

Câu 68: Cấu hình electron nào sau đây là của ion Fe?

- A. $[\text{Ar}] 4s^2 3d^6$. B. $[\text{Ar}] 3d^6 4s^2$. C. $[\text{Ar}] 3d^8$. D. $[\text{Ar}] 3d^7 4s^1$.

Câu 69: Cấu hình electron nào sau đây là của ion Fe^{2+} ?

- A. $[\text{Ar}] 3d^6$. B. $[\text{Ar}] 3d^5$. C. $[\text{Ar}] 3d^4$. D. $[\text{Ar}] 3d^3$.

Câu 70: Cấu hình electron nào sau đây là của ion Fe^{3+} ?

- A. $[\text{Ar}] 3d^6$. B. $[\text{Ar}] 3d^5$. C. $[\text{Ar}] 3d^4$. D. $[\text{Ar}] 3d^3$.

Câu 71: Tại sao để bảo quản các dung dịch chuẩn KMnO_4 người ta lại đựng chúng trong những chai thủy tinh sẫm màu, có nút bằng thủy tinh nhám?

- A. KMnO_4 bị mất màu ngoài ánh sáng.
B. Tránh bay hơi nước làm nồng độ sai lệch.
C. KMnO_4 bị phân huỷ dưới tác dụng của ánh sáng.
D. Để nhận biết với các bình hoá chất khác.

Câu 72: Khí CO_2 có lẫn tạp chất là khí HCl. Để làm sạch khí CO_2 , hóa chất cần dùng là

- A. dung dịch NaOH dư C. dung dịch AgNO_3 dư
B. dung dịch Na_2CO_3 dư D. dung dịch NaHCO_3 bão hòa dư

Câu 73: Có 3 bình chứa khí SO_2 , O_2 và CO_2 . Phương pháp thực nghiệm để nhận biết các khí trên là:

- A. Cho từng khí lội qua dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$ dư, dùng đầu que đóm còn tàn đỏ
B. Cho từng khí lội qua dung dịch H_2S , sau đó lội qua dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$
C. Cho cánh hoa hồng vào các khí, sau đó lội qua dung dịch NaOH
D. Cho từng khí đi qua dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$, sau đó lội qua dung dịch Br_2

Câu 74: Cho dung dịch chứa các cation sau: Na^+ , Ca^{2+} , Mg^{2+} , Ba^{2+} , H^+ . Muốn loại được nhiều cation ra khỏi dung dịch, có thể dùng:

- A. dung dịch K_2CO_3 C. dung dịch NaOH
B. dung dịch Na_2CO_3 D. dung dịch Na_2SO_4

Câu 75: Để phân biệt 2 chất khí CO_2 và SO_2 ta chỉ cần một thuốc thử là

- A. Nước vôi trong
B. Nước Brom
- C. Quỳ tím
D. Dung dịch BaCl₂

Câu 76: Chỉ dùng một hóa chất nào sau đây để phân biệt Fe₂O₃ và FeO ?

- A. Dung dịch H₂SO₄ loãng
B. Dung dịch HNO₃
- C. Dung dịch HCl
D. Dung dịch KMnO₄

Câu 77: Nguyên tắc nhận biết một ion trong dung dịch là dùng

- A. Phương pháp đốt nóng thử màu ngọn lửa.
B. Phương pháp nhiệt phân để tạo kết tủa.
C. Thuốc thử để tạo với ion một sản phẩm kết tủa, bay hơi hoặc có sự thay đổi màu.
D. Phương pháp thích hợp để tạo ra sự biến đổi về trạng thái, màu sắc từ các ion trong dung dịch.

Câu 78: Để nhận biết ion Ba²⁺ không dùng ion

- A. SO₄²⁻.
B. S²⁻.
C. CrO₄²⁻.
D. Cr₂O₇²⁻.

Câu 79: Để phân biệt Fe²⁺ và Fe³⁺ không dùng thuốc thử

- A. NH₃.
B. NaSCN.
C. KMnO₄/H₂SO₄.
D. H₂SO₄(loãng).

Câu 80: Để phân biệt Al³⁺ và Zn²⁺ không dùng thuốc thử :

- A. NH₃.
B. NaOH.
C. Na₂CO₃.
D. Na₂S.

Câu 81: Khí nào sau có trong không khí đã làm cho các đồ dùng bằng bạc lâu ngày bị xám đen?

- A. CO₂.
B. O₂.
C. H₂S.
D. SO₂.

Câu 82: Sục một khí vào nước brom, thấy nước brom bị nhạt màu. Khí đó là

- A. CO₂.
B. CO.
C. HCl.
D. SO₂.

Câu 83: Hoá chất nào dưới đây **không** dùng để nhận biết dung dịch NaCl và NH₃?

- A. Quỳ tím.
B. Phenolphthalein.
C. Dung dịch NaOH, đun nóng.
D. Dung dịch H₂SO₄.

Câu 84: Hoá chất nào dưới đây có thể dùng để nhận biết hai dung dịch BaCl₂ và CaCl₂?

- A. K₂Cr₂O₇.
B. Na₂CO₃.
C. K₂SO₄.
D. (NH₄)₂C₂O₄.

Câu 85: Để nhận biết hai dung dịch AlCl₃ và FeCl₂ ta có thể dùng hoá chất nào dưới đây?

- A. NH₃.
B. Na₂CO₃.
C. NaOH.
D. AgNO₃.

Câu 86: Để nhận biết ZnCl₂ và AlCl₃ có thể dùng dung dịch

- A. NH₃.
B. NH₄Cl.
C. NaOH.
D. NaCl.

Câu 87: Có hai bình đựng hai khí riêng biệt là O₂ và O₃. Hoá chất cần dùng để nhận biết hai khí này là

- A. Ag.
B. Cu.
C. Fe.
D. Al.

Câu 88: Dùng hoá chất nào sau đây có thể nhận biết cặp chất Na₂SO₃ và Na₂CO₃?

- A. Dung dịch BaCl₂.
C. Dung dịch Br₂.

B. Dung dịch HCl.

D. Dung dịch Ca(OH)₂.

Câu 89: Có thể nhận biết được các dung dịch không màu: NH₄Cl, NaCl, AlCl₃ bằng một hoá chất nào dưới đây?

A. NH₃.

B. NaOH.

C. AgNO₃.

D. Na₂CO₃.

Câu 90: Để nhận biết các dung dịch riêng biệt sau: KCl, AlCl₃, FeCl₂, FeCl₃, MgCl₂, NH₄Cl.

Hoá chất cần dùng là

A. NH₃.

B. AgNO₃.

C. Na₂CO₃.

D. NaOH.

Câu 91: Hiện tượng mưa axit là do không khí bị ô nhiễm bởi những khí nào sau đây?

A. SO₂, NO, NO₂

C. HCl, CO, CH₄

B. Cl₂, CH₄, SO₂

D. CO, CO₂, NO

Câu 92: Hiệu ứng nhà kính là hiện tượng trái đất đang ấm dần lên, do các bức xạ có bước sóng dài trong vùng hồng ngoại bị giữ lại, mà không bức xạ ra ngoài vũ trụ. Khí nào dưới đây là nguyên nhân chính gây ra hiệu ứng nhà kính?

A. N₂

B. CO₂

C. H₂

D. O₂

Câu 93: Nhiên liệu nào dùng cho đời sống sau đây được coi là sạch?

A. Dầu hoả

B. than

C. củi

D. Khí (gas)

Câu 94: Chất khí cacbonmonôxít có trong thành phần loại khí nào sau đây ?

A. Không khí.

B. Khí tự nhiên.

C. Khí dầu mỏ.

D. Khí lò cao.

Câu 95: Chất nào dưới đây góp phần nhiều nhất vào sự hình thành mưa axit ?

A. CO₂.

B. O₃.

C. SO₂.

D. CH₃Cl.

Câu 96: Axit fomic có trong nọc kiến, nọc ong, sâu róm. Khi bị ong kiến đốt hoặc bị chạm vào sâu róm, nên chọn chất nào sau đây để bôi vào vết thương?

A. Vôi tôi.

B. Giấm ăn.

C. Cồn.

D. Nước.

Câu 97: Chất nào sau đây là nguyên nhân chính gây ra sự suy giảm tầng ozon?

A. N₂

B. CO₂

C. SO₂

D. CFC

Câu 98: Nhỏ vài giọt nước chanh vào cốc sữa bò thấy sữa bị vón cục từ đó có thể rút ra một nhận xét là không nên uống sữa cùng lúc với nước chanh nguyên nhân là do

A. Sữa bò phản ứng với nước chanh sinh ra kết tủa gây cặn lắng.

B. Trong sữa bò có nhiều protein sẽ bị đông tụ khi tiếp xúc với axit trong chanh.

C. Uống nhiều thứ cùng một lúc dạ dày không hấp thu hết được.

D. Một nguyên nhân khác.

Câu 99: Trong cuốn sách “ những điều cần biết và nên tránh trong cuộc sống hiện đại” có viết rằng: Đồ ăn uống có chất chua không nên đựng trong đồ dùng bằng kim loại mà nên dùng trong đồ dùng thuỷ tinh sành sứ. Nếu ăn uống đồ ăn có chất chua đã nấu kỹ hoặc để lâu trong đồ dùng bằng kim loại thì có ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ nguyên nhân là do

- A. Kim loại là môi trường sống thuận lợi cho vi sinh vật có hại phát triển.
- B. Thức ăn chua có axit gây ăn mòn kim loại.
- C. Kim loại tạo phức với các chất có trong thức ăn.
- D. Một nguyên nhân khác.

Câu 100 : Dịch vị dạ dày thường có pH trong khoảng từ 2 – 3. Những người bị mắc bệnh viêm loét dạ dày, tá tràng thường có $pH < 2$. Để chữa bệnh này, trước bữa ăn người bệnh thường uống

- A. Dung dịch natri hiđrocacbonat
- B. Nước đun sôi để nguội
- C. Nước đường
- D. Một ít giấm ăn